TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ QUẾ VÕ** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST
Ngày: 18/8/2023
V/v: Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thùy Phương

Ông Nguyễn Quang Tuyến

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Thứ – Thư ký TAND thị xã Quế Võ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc "Kiện đòi tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 34/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; Địa chỉ: khu phố Guột, phường Việt Hùng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1954; Địa chỉ: khu phố Guột, phường Việt Hùng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Phan Văn V, sinh năm 1952; Địa chỉ: khu phố Mai Cương, phường Cách Bi, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Bà T và ông Nguyễn Văn S là anh em ruột. Năm 2015 ông S có việc tranh chấp đất nhà thờ họ, nên có nhờ ông Phan Văn V là bạn của ông S giúp đi làm thủ tục để giải quyết tranh chấp. Do cần tiền để giải quyết công việc nên ông S có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng, và hẹn sang năm 2016 phải trả. Ngày

05/12/2015 âm lịch tại nhà ông S, bà T đã giao cho ông S số tiền 100.000.000 đồng, có sự chứng kiến của ông V. Ông V có viết giấy "Biên nhận vay tiền" với nội dung: *"Bác S vay cô T 100.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình. Hẹn sang năm 2016 trả"*, và ông S đã ký tên vào giấy này. Ngay sau đó, để ông S yên tâm là ông V sẽ lo được việc thì ông V tiếp tục viết giấy biên nhận cho ông S với nội dung: *"Bác S giao cho chú V 100.000.000 đồng để lo việc gia đình, nếu không xong chú V trách nhiệm trả lại nguyên cho bác S"*, có chữ ký của ông V là người nhận tiền, ông S là người giao tiền, còn bà T là người làm chứng. Còn nội dung: *"Không xong ông V trả tiền cho cô T, ông S không phải trả"* là sau này do ông S tự ý viết thêm vào chứ không phải viết ngay lúc đó, việc ông S viết thêm vào thì bà T và ông V đều không biết. Bà T khẳng định việc ông S giao tiền cho ông V không liên quan gì tới bà, nên bà T yêu cầu ông S phải trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng đã vay, bà T không yêu cầu ông S phải trả tiền lãi.

**** Bị đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày:***

Năm 2015 bố ông là ông Nguyễn Văn Quý khi đó còn sống có việc tranh chấp nhà thờ họ, bà T lúc đó nói với ông là cố gắng giải quyết tranh chấp cho bố. Sau đó, ông Phan Văn V có nhận giúp gia đình ông giải quyết việc tranh chấp. Ngày 05/12/2015 bà T giao cho ông V số tiền 100.000.000 đồng để lo việc, lúc đó ông V có viết giấy nhận tiền với nội dung: *"Bác S giao cho chú V 100.000.000 đồng để lo việc gia đình, nếu không xong chú V trách nhiệm trả lại nguyên cho bác S"*. Chưa đồng ý nội dung viết như vậy, nên ông S đã tự viết thêm nội dung: *"Không xong ông V trả tiền cho cô T, ông S không phải trả"*. Sau đó, ông V ký dưới mục người nhận tiền, ông S ký vào mục người giao tiền và bà T ký vào mục người làm chứng. Đối với giấy "Biên nhận vay tiền" ngày 05/12/2015 mà bà T cung cấp với nội dung: *"Bác S vay cô T 100.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình. Hẹn sang năm 2016 trả"* thì ông S khẳng định không ký vào giấy này. Ông S khẳng định không nhận 100.000.000 đồng của bà T, mà bà T trực tiếp giao tiền cho ông V để lo việc cho bố ông. Tuy nhiên, đến nay ông V vẫn chưa thực hiện xong công việc cho cho gia đình ông S, nên ông V phải có trách nhiệm trả lại tiền cho bà T. Do đó, ông S không đồng ý với yêu cầu của của bà T.

**** Ông Phan Văn V trình bày:***

Năm 2015 ông Nguyễn Văn S có nhờ ông V giải quyết việc tranh chấp đất nhà thờ họ. Do cần tiền để giải quyết công việc nên ông S có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 05/12/2015 âm lịch tại nhà ông S, bà T đã giao cho ông S số tiền 100.000.000 đồng, có sự chứng kiến của ông V. Ông V có viết giấy "Biên nhận vay tiền" với nội dung: *"Bác S vay cô T 100.000.000*

đồng để giải quyết việc gia đình. Hẹn sang năm 2016 trả", và ông S đã ký tên vào giấy này. Ngay sau đó, để ông S yên tâm là ông V sẽ lo được việc thì ông V tiếp tục viết giấy biên nhận cho ông S với nội dung: *"Bác S giao cho chú V 100.000.000 đồng để lo việc gia đình, nếu không xong chú V trách nhiệm trả lại nguyên cho bác S"*, có chữ ký của ông V là người nhận tiền, ông S là người giao tiền, còn bà T là người làm chứng. Còn nội dung: *"Không xong ông V trả tiền cho cô T, ông S không phải trả"* là sau này do ông S tự ý viết thêm vào chứ không phải viết ngay lúc đó, việc ông S viết thêm vào thì ông V và bà T đều không biết. Sau đó, ông S đã đưa cho ông V số tiền 100.000.000 đồng. Sau này những khi đi giải quyết công việc thì ông V đều đưa ông S đi cùng, và dùng tiền của ông S để chi phí công việc. Đến nay ông V đã lo xong công việc tranh chấp đất cho ông S. Ông V khẳng định việc ông S giao tiền cho ông là để đi lo việc cho ông S chứ không liên quan gì tới bà T, còn việc ông S vay tiền của bà T là có thật.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND thị xã Quế Võ đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn S tại giấy "Biên nhận vay tiền" đề ngày 05/12/2015. Theo Kết luận giám định số 1550/KL-KTHS ngày 27/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn S trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn S trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký, viết ra.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ phát biểu ý kiến:***

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã tuân thủ đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 158, 160, 166, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35, 39, 147, 161, 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, buộc ông Nguyễn Văn S phải trả cho bà T số tiền 100.000.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng và án phí: Ông S phải chịu chi phí giám định tài liệu. Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn S (địa chỉ: khu phố Guột, phường Việt Hùng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh) phải trả lại số tiền đã vay, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Quế Võ.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T cho rằng ngày 05/12/2015 âm lịch có cho ông Nguyễn Văn S vay số tiền 100.000.000 đồng để giải quyết công việc của gia đình, và hẹn sang năm 2016 phải trả. Hai bên lập giấy "Biên nhận vay tiền" có chữ ký của ông Nguyễn Văn S dưới mục người vay. Còn ông Nguyễn Văn S cho rằng không ký vào giấy "Biên nhận vay tiền" mà bà T cung cấp cho Tòa án. Ông S chỉ thừa nhận ngày 05/12/2015 bà T giao cho ông Phan Văn V số tiền 100.000.000 đồng để ông V giúp ông S lo công việc, nếu ông V không làm xong thì ông V phải trả lại tiền cho bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại Kết luận giám định số 1550/KLHS ngày 27/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh đã khẳng định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn S tại giấy "Biên nhận vay tiền" đề ngày 05/12/2015 do bà T cung cấp là chữ ký, chữ viết của ông S.

Đối với giấy giao nhận tiền đề ngày 05/12/2015 giữa ông Phan Văn V và ông Nguyễn Văn S mà ông S cung cấp có nội dung: *"Bác S giao cho chú V 100.000.000 đồng để lo việc gia đình, nếu không xong chú V trách nhiệm trả lại nguyên cho bác S"* là do ông V viết. Ông S cho rằng do chưa đồng ý với nội dung như vậy nên ngay lúc đó ông S đã tự viết thêm vào giấy nội dung: *"không xong ông V trả tiền cho cô T, ông S không phải trả"*. Tuy nhiên, ông V và bà T khẳng định sau này ông S mới tự ý viết thêm nội dung này, còn ông V và bà T không biết việc ông S viết thêm. Hội đồng xét xử thấy rằng, phần nội dung ông S viết thêm có màu mực khác với màu mực do ông V viết trong giấy, mặt khác ông S cũng không chứng minh được đã thống nhất nội dung đó với ông V và bà T, nên việc ông S cho rằng ông V phải trả lại 100.000.000 đồng cho bà T là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở để khẳng định ngày 05/12/2015 ông Nguyễn Văn S đã vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 100.000.000 đồng, nên yêu cầu của bà T về việc buộc ông S phải trả lại số tiền này được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên ông S phải chịu tiền chi phí giám định tài liệu. Xác nhận bà T đã nộp 10.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng, ông S có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền này.

[4] Về án phí: Do ông S hiện nay đã trên 60 tuổi nên miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 158, 160, 166, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35, 39, 147, 161, 186, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Nguyễn Văn S phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đã vay theo giấy Biên nhận vay tiền đề ngày 05/12/2015.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn S phải trả cho bà Nguyễn Thị T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền chi phí giám định tài liệu.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Quế Võ;
- Chi cục THADS thị xã Quế Võ;
- Đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Minh Đức